THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giằng co quanh 1,365 trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,365.67 điểm, gần như đi ngang so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 10/18 ngành tăng điểm. Các ngành hầu như không có diễn biến đáng kể, ngoại trừ ngành Truyền thông giảm hơn 1%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX, UPCOM. VN-Index vẫn đang tích lũy quanh ngưỡng 1,365; xu hướng này có thể kéo dài trong ngắn hạn và sau đó thị trường cần một cây nến chỉ hướng cùng với thanh khoản ủng hộ để bật lên.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2509, VN30F2512.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 26/06/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

• VN-Index -1.08 điểm, đóng cửa tại 1365.67 điểm. HNX-Index +0.04 điểm, đóng cửa tại 227.7 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: MSN (+0.62), GAS (+0.55), MBB (+0.43), TCB (+0.42), CTG (+0.25).
• Kéo chỉ số giảm: VHM (-1.78), VIC (-0.72), VCB (-0.39), GVR (-0.28), BID (-0.25).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 14,961 tỷ đồng, giảm -18.31% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,188 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 11.96 điểm. Thị trường có 141 mã tăng, 59 mã tham chiếu, 155 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -271.34 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FPT (-167.45 tỷ), HPG (-139.05 tỷ), STB (-103.38 tỷ), VNM (-67.22 tỷ), KDH (-60.62 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -47.10 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

• BSC30 -0.05%. Các mã diễn biến tích cực:
KBC (+2.72%)
MSN (+2.42%) *(Link báo cáo)*
MBB (+1.17%) *(Link báo cáo)*
• BSC50 +0.34%. Các mã diễn biến tích cực:
DGW (+4.78%) *(Link báo cáo)*
SZC (+4.27%) *(Link báo cáo)*
ANV (+3.29%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.05%	0.34%	-0.08%	-0.12%
1 tuần	-0.11%	1.17%	1.01%	1.69%
1 tháng	3.84%	1.99%	1.93%	2.53%
3 tháng	1.56%	0.39%	3.66%	6.52%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,365.67	227.70	100.06
% 1D	-0.08%	0.02%	0.12%
GTKL (tỷ VND)	14,961	1,116	361
%1D	-18.31%	-21.12%	-35.78%
GDNN (tỷ VND)	-271.34	-47.10	-5.50

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GEX	250.45	FPT	-167.45
SSI	88.52	HPG	-139.05
CTG	77.74	STB	-103.38
DGW	54.51	VNM	-67.22
MSN	40.86	KDH	-60.62

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

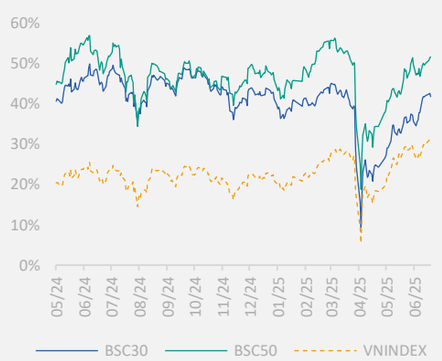
		%D	%W
SPX	6,092	0.00%	1.83%
FTSE100	8,729	0.12%	-0.71%
Eurostoxx	5,261	0.01%	0.89%
Shanghai	3,448	-0.22%	2.57%
Nikkei	39,585	1.65%	2.86%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	67.61	1.75%
Giá vàng	3,341	-0.26%
Tỷ giá		
USD/VND	26,290	-0.06%
EUR/VND	31,301	0.43%
JPY/VND	185	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.3%	-0.01%
LS LNH 1M	3.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSN	72.00	2.42%	0.62	1.51
GAS	68.50	1.48%	0.55	2.34
MBB	25.90	1.17%	0.43	6.10
TCB	34.05	0.74%	0.42	7.06
CTG	41.90	0.48%	0.25	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	76.00	-2.44%	-1.78	4.11
VIC	95.00	-0.84%	-0.72	3.88
VCB	56.40	-0.35%	-0.39	8.36
GVR	30.50	-0.97%	-0.28	4.00
BID	35.70	-0.42%	-0.25	7.02

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	12.10	7.08%	0.64	1.17
PVI	58.00	3.02%	0.26	0.23
NTP	77.60	1.84%	0.13	0.14
SEB	49.70	8.04%	0.08	0.03
PTI	23.80	3.93%	0.07	0.12

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	12.40	-3.13%	-0.17	0.68
HUT	12.60	-2.33%	-0.17	0.89
VFS	26.50	-6.36%	-0.14	0.13
HHC	113.40	-10.00%	-0.12	0.02
VIF	16.90	-1.74%	-0.07	0.35

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LGL	3.99	6.97%	0.00	1.00
LDG	2.67	6.80%	0.01	9.45
SVD	3.49	6.73%	0.00	0.12
HUB	15.80	5.69%	0.01	0.08
DGW	46.00	4.78%	0.11	3.94

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMG	8.00	-6.98%	-0.01	0.00
GMH	7.75	-5.49%	0.00	0.01
VPS	8.53	-5.22%	0.00	0.00
PDN	99.90	-5.04%	-0.07	0.00
RYG	12.00	-4.00%	-0.01	2.22

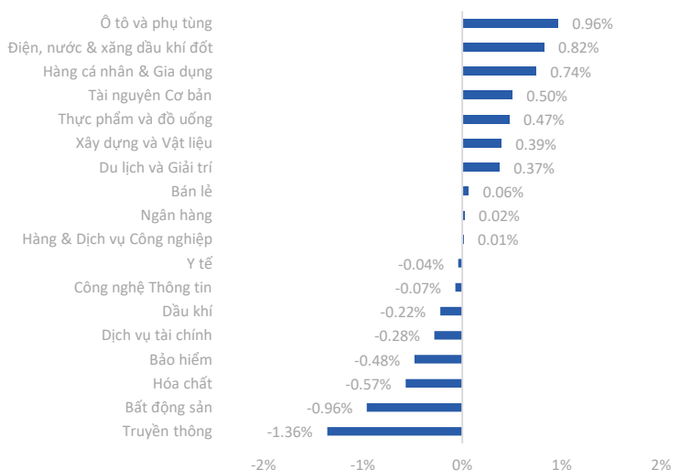
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QST	21.40	9.74%	0.03	0.00
STC	19.40	9.60%	0.04	0.01
TKU	14.90	9.56%	0.25	0.00
SGD	17.40	9.43%	0.03	0.00
BBS	15.10	9.42%	0.03	0.00

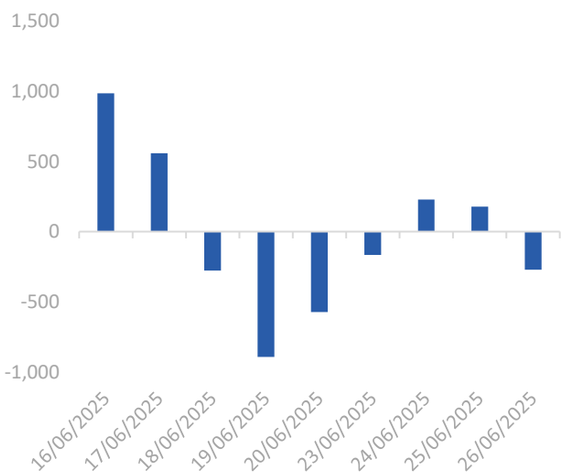
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GLT	30.50	-9.76%	-0.11	0.02
VC6	29.60	-9.76%	-0.12	0.00
SVN	4.70	-9.62%	-0.04	1.70
CMC	8.10	-8.99%	-0.01	0.00
CAN	31.40	-8.72%	-0.05	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	64.5	-0.8%	1.3	96,110	345.9	2,977	21.8		48.1%	
KBC	Bất động sản	26.5	2.7%	1.7	24,250	274.0	1,627	15.8		17.6%	
KDH	Bất động sản	28.8	-2.5%	1.1	29,879	110.7	896	33.0		35.4%	
PDR	Bất động sản	17.7	-0.3%	1.6	16,058	79.0	180	98.6	23,600	9.6%	Link
VHM	Bất động sản	76.0	-2.4%	1.1	319,967	358.7	7,766	10.0	81,300	10.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	117.0	-0.1%	1.1	173,464	496.1	5,612	20.9	136,500	40.6%	Link
BSR	Dầu khí	17.8	0.3%	0.0	55,034	30.8	(37)	-482.9		0.3%	
PVS	Dầu khí	32.6	0.3%	1.4	15,534	138.3	2,303	14.1	38,600	14.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	20.9	-0.5%	1.7	22,625	110.1	1,390	15.1		37.4%	
SSI	Dịch vụ tài chính	24.5	0.0%	1.4	48,311	448.5	1,545	15.9		35.2%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.5	-1.0%	1.4	25,744	160.7	1,602	22.4		28.9%	
DCM	Hóa chất	36.1	0.4%	1.7	19,005	116.3	2,805	12.8	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	96.7	-0.5%	1.5	36,914	98.8	8,224	11.8	109,300	14.8%	Link
ACB	Ngân hàng	21.2	-0.2%	0.8	109,154	210.3	3,224	6.6	30,400	29.8%	Link
BID	Ngân hàng	35.7	-0.4%	0.9	251,716	83.6	3,643	9.8	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	41.9	0.5%	1.0	223,929	253.9	4,806	8.7	50,000	27.1%	Link
HDB	Ngân hàng	21.7	-0.5%	0.9	76,192	1258.2	3,985	5.5	26,400	16.6%	Link
MBB	Ngân hàng	25.9	1.2%	0.9	156,218	915.4	4,049	6.3	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.0	0.0%	1.1	31,200	181.4	2,150	5.6	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	46.8	0.0%	0.9	88,228	635.7	5,767	8.1		20.0%	
TCB	Ngân hàng	34.1	0.7%	1.2	238,792	1084.5	3,013	11.2	33,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.4	-0.4%	1.0	35,402	76.4	2,383	5.6	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	56.4	-0.4%	0.5	472,931	169.8	4,063	13.9	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	18.1	-0.6%	0.8	54,220	41.3	2,400	7.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.4	-0.3%	0.9	145,984	329.5	2,030	9.1	24,000	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	22.8	0.6%	1.1	173,978	952.9	1,954	13.9	35,800	22.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.8	0.0%	1.5	10,401	59.5	749	22.4	16,800	8.4%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	31.9	1.0%	1.8	10,576	209.5	3,930	8.0	32,200	4.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	72.0	2.4%	1.4	101,116	803.6	1,518	46.3	82,500	25.0%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.4	-0.7%	0.5	118,709	176.5	4,194	13.5	64,500	48.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	46.0	4.78%	1.8	9,622	177.7	2,098	20.9	25.7%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	174.5	1.16%	1.2	23,502	114.4	3,279	52.6	32.2%	24.0%	Link
BVH	Bảo hiểm	52.5	-0.38%	1.1	39,120	9.6	2,975	17.7	27.3%	9.7%	
DIG	Bất động sản	17.3	0.29%	1.4	11,151	152.8	303	56.9	3.1%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.9	0.90%	1.5	17,015	161.7	310	54.0	23.6%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	24.9	-0.80%	1.3	4,477	60.0	443	56.7	3.3%	3.4%	
HDG	Bất động sản	25.6	-1.16%	1.5	9,564	99.3	762	33.9	19.3%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	44.3	-0.23%	1.4	14,652	56.2	4,982	8.9	17.7%	31.2%	
NLG	Bất động sản	36.9	-0.67%	1.6	14,286	63.7	1,827	20.3	46.1%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	68.9	1.17%	0.0	14,337	54.7	6,076	11.2	4.1%	29.7%	
SZC	Bất động sản	37.9	4.27%	1.7	6,533	165.3	2,036	17.8	2.8%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	19.5	0.78%	1.7	12,897	55.0	1,279	15.1	10.4%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	95.0	-0.84%	1.2	366,307	279.3	2,823	33.9	7.5%	8.0%	
VRE	Bất động sản	24.5	-0.61%	1.2	56,013	57.6	1,844	13.4	18.0%	10.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	36.5	-0.27%	1.2	7,734	31.6	1,654	22.1	36.0%	12.5%	
PLX	Dầu khí	37.1	-0.67%	1.0	47,393	56.0	1,535	24.3	17.2%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	20.0	-0.74%	1.5	11,201	133.3	1,246	16.2	3.5%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.0	-1.60%	2.0	12,653	144.7	1,650	22.8	27.6%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.0	-0.37%	1.8	15,522	81.8	1,650	16.4	6.7%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.5	1.48%	0.8	158,130	61.4	4,543	14.9	1.9%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.0	-0.38%	1.0	30,444	145.9	546	23.8	3.4%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.5	0.75%	1.0	36,291	39.8	3,922	17.1	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	87.1	0.00%	0.6	51,529	45.9	2,773	31.4	11.9%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	37.5	0.00%	1.7	33,840	733.2	1,954	19.2	8.6%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.3	-0.90%	1.2	23,447	139.9	3,797	14.7	40.2%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	67.1	0.90%	1.3	8,638	198.1	5,594	11.9	4.8%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.1	1.40%	1.4	8,388	34.4	2,293	7.8	10.0%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	114.2	0.09%	0.0	13,895	40.2	3,235	35.3	5.8%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	80.9	1.63%	1.0	26,897	68.5	6,105	13.0	48.9%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.9	-0.32%	1.1	3,473	54.6	2,608	11.9	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.4	0.49%	1.3	2,489	36.4	2,580	7.9	16.7%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	38.0	1.33%	1.4	14,675	132.4	1,223	30.7	7.5%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	30.5	-0.97%	2.3	123,200	59.0	1,174	26.2	1.0%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	23.3	-0.43%	1.0	43,495	707.1	1,856	12.6	5.1%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	31.8	0.00%	0.8	94,996	34.8	3,333	9.5	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.5	0.30%	0.0	22,510	17.8	2,809	5.8	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	11.7	-0.85%	0.9	29,096	36.5	1,189	9.9	19.4%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.3	-0.75%	1.4	5,997	37.0	1,122	11.9	5.2%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	18.9	3.29%	1.6	4,859	67.4	612	29.8	1.6%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.1	-0.99%	0.8	10,778	141.5	1,395	25.4	3.8%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.5	0.40%	1.2	64,513	68.8	3,217	15.6	58.9%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.5	2.81%	1.4	12,771	143.9	5,567	10.2	22.2%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	138.9	0.00%	1.0	11,370	19.9	13,288	10.5	85.6%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.9	1.08%	1.4	8,294	59.5	3,238	25.6	48.6%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	97.9	-0.71%	1.6	11,278	33.1	4,754	20.7	9.7%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.0	1.85%	1.4	4,355	44.8	2,336	18.5	7.2%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.4	-0.40%	1.5	5,898	55.2	1,088	11.4	10.0%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.9	-0.46%	1.5	7,850	32.3	1,237	17.8	16.1%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.8	0.93%	1.5	13,931	232.8	915	23.6	8.2%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.1	0.22%	1.6	20,176	22.8	2,720	16.6	5.6%	14.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
2	BSC_Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
7	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
8	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
9	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
21	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
22	BSC_Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: **http://www.bsc.com.vn**